(Mẫu số 27-HS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP)

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲ CHÂU
TỈNH NGHỆ AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 48/ 2018/HS-ST
Ngày 28/9/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ CHÂU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lô Xuân Diệu.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Phan Bá Lịch.
Ông: Lương Thành Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tăng Thành Vương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳ Châu tham gia phiên tòa: Ông Trương Thành Công - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳ Châu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 42/2018/TLST-HS ngày 05/9/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52 /2018/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lương Văn T – Tên gọi khác: Không.
Sinh năm 1987, tại huyện Q C, tỉnh N A.
Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: Bản X H, xã D L, huyện Q C, tỉnh N A.
Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hóa: Lớp 9; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.
Con ông: Lương Văn T1 và bà: Vi Thị T2.
Vợ: Lô Thị Thanh L; con: 02 đứa.
Tiền án, tiền sự: Không.
Tạm giữ, tạm giam: Không
Có mặt.

-Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Quỳnh T – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh N A – Chi nhánh số 2.
Có mặt.

-Nguyên đơn dân sự: Ủy ban nhân dân huyện Q C, tỉnh N A.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H.
Chức vụ: Phó chủ tịch UBND huyện Q C.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 29/3/2018 Lương Văn T vào khu vực Khe Pục thuộc lô 13; 13a, khoảnh 5, tiểu khu 225, tờ bản đồ số 1, xã D L, huyện Q C, tỉnh N A phát rừng để lấy đất trồng cây gỗ keo. Lương Văn T phát rừng từ ngày 29/3/2018 đến chiều ngày 05/4/2018 thì Ủy ban nhân dân xã D L phát hiện và yêu cầu Lương Văn T dừng hành vi phát rừng. Ngày 08/4/2018 Hạt Kiểm lâm huyện Q C đã xác định hiện trạng rừng do T phát thuộc trạng thái rừng IIA, rừng tự nhiên phục hồi sau nương rẫy, trữ lượng rừng là rừng gỗ nghèo, thiệt hại về lâm sản gỗ tròn các nhóm là 15,161 m^3 gồm: nhóm 6 là 1,574m^3, nhóm 7 là 8,390m^3, nhóm 8 là 5,19m^3.

Căn cứ Quyết định số 48/2014/QĐ-UBND ngày 15/8/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh N A . Về việc điều chỉnh quy hoạch 3 loại rừng tỉnh N Athì tại Lô 13; 13a, khoảnh 5, tiểu khu 225, tờ bản đồ số 1, xã D L, huyện Q C không nằm trong quy hoạch 3 loại rừng mà thuộc đất mục đích sử dụng ngoài đất lâm nghiệp.

Tại kết luận định giá tài sản số 07/KL – HĐ ĐGTT ngày 14/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q C kết luận tổng giá trị lâm sản bị thiệt hại do Lương Văn T chặt phá tại lô 13; 13a, khoảnh 5, tiểu khu 225, tờ bản đồ số 1, Xã D L, huyện Q C là 18.000.000,đ (Mười tám triệu đồng).

Vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 03 con dao của Lương Văn T sử dụng vào việc phát rừng.

Trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự Ủy ban nhân dân huyện Q C yêu cầu Lương Văn T phải bồi thường thiệt hại cho nhà nước là 18.000.000,đ. Trong quá trình điều tra Lương Văn T đã tự nguyện bồi thường số tiền là 3.000.000,đ.

Cáo trạng số 49/CT-VKS, ngày 04/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q C truy tố Lương Văn T về tội "Hủy hoại tài sản" theo khoản 1 điều 178 của Bộ luật hình sự.

-Ý kiến của kiểm sát viên tại phiên tòa: Giữ nguyên bản cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 điều 178, điểm b,i,s khoản 1 điều 51, khoản 2 điều 51, điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Văn T từ 12 đến 15 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng.

Vật chứng vụ án: Đề nghị căn cứ điểm a khoản 2 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 03 con dao là công cụ bị cáo thực hiện hành vi phạm tội.

Trách nhiệm dân sự: Đề nghị căn cứ điều 48 của Bộ luật hình sự, các điều 584, 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho nhà nước 18.000.000,đ, khấu trừ số tiền bị cáo đã tự nguyện bồi thường trước 3.000.000,đ. Bị cáo còn phải bồi thường là 15.000.000,đ.

Buộc bị cáo phải chịu án hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

-Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Nhất trí với luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nguyên nhân dẫn đến bị cáo thực hiện hành vi phạm tội đó là: Do nhận thức pháp luật của bị cáo hạn chế, gia đình bị cáo thuộc gia đình chính sách hộ nghèo, gia đình bị cáo được nhà nước giao hơn 02 ha đất lâm nghiệp theo Nghị định 163 của Chính phủ, bị cáo và gia đình của bị cáo đã thực hiện nghiêm nghĩa vụ của người sử dụng đất, do bị cáo

thiếu hiểu biết nên mới phát rừng để nhằm mục đích là trồng cây gỗ keo để phát triển kinh tế nhằm thoát nghèo. Do Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 điều 51 và khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo có nhân thân tốt có nơi cư trú rõ ràng do đó đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt đối với bị cáo là Cải tạo không giam giữ từ 10 đến 12 tháng và miễn khấu trừ thu hập đối với bị cáo.

- Ý kiến của bị cáo: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo và đề nghị cho bị cáo được cải tạo, giáo dục tại địa phương nơi bị cáo cư trú, bị cáo hứa sẽ cải tạo, giáo dục tốt theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra Công an huyện Q C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q C, Kiểm sát viên thu thập, người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác cung cấp đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa những người tham gia tố tụng không có ai có khiếu nại về hành vi tiến hành tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Điều tra viên và kiểm sát viên.

Về sự có mặt của nguyên đơn dân sự. Ông Nguyễn Thanh H là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn dân sự, trong quá trình điều tra nguyên đơn dân sự đã có đơn yêu cầu bị cáo có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho nhà nước số tiền là 18.000.000,đ, trước khi mở phiên tòa đại diện của nguyên đơn dân sự đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của đại diện nguyên đơn dân sự không làm ảnh hưởng đến việc xác định thật khách quan của vụ án.Căn cứ khoản 1 điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự để xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn dân sự.

[2] Về nội dung: Lương Văn T do thiếu đất để sản xuất, để nhằm mục đích trồng cây keo để có thu nhập phát triển kinh tế gia đình nên từ ngày 29/3/2018 đến chiều ngày 5/4/2018 một mình bị cáo đã dùng dao vào Khe Pục thuộc lô 13; 13a, khoảnh 5, tiểu khu 225 thuộc xã D L, huyện Q C phát rừng với diện tích 8.910m^2. Diện tích đất trên không được nhà nước giao quyền sử dụng cho bị cáo. Sau khi Ủy ban nhân dân xã kiểm tra phát hiện và yêu cầu bị cáo dừng việc chặt phá rừng thì bị cáo đã chấp hành đồng thời giao nộp dao mà bị cáo dùng vào việc phát rừng cho cơ quan điều tra để phục công tác điều tra xử lý. Bị cáo đã phát trắng rừng trên diện tích là 8.910m^2 thuộc rừng IIA, rừng tự nhiên phục hồi sau nương rẫy, trữ lượng rừng là rừng gỗ nghèo, gây thiệt hại về lâm sản gỗ tròn các loại là 15,161 m^3 thuộc các nhóm 6, 7, 8 giá trị thiệt hại là 18.000.000,đ. Diện tích đất trên đang thuộc quyền quản lý của nhà nước chưa được giao quyền sử dụng cho tổ chức, cá nhân sử dụng. Việc chặt phá rừng của bị cáo để trồng keo không đ- ợc cơ quan nhà n- ớc có thẩm quyền cho phép. Hành vi nêu trên của bị cáo đã cấu thành tội "Hủy hoại tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 178 của Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến tài sản thuộc sở hữu của nhà nước, do đó cần thiết xét xử bị cáo với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện, nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo thành người sống có ích cho xã hội.

Tuy nhiên cũng xem xét giảm nhẹ đối với bị cáo bởi các yếu tố: Động cơ mục đích phạm tội của bị cáo là nhằm phát triển kinh tế cho gia đình; bản thân bị cáo thiếu hiểu biết về các quy định của pháp luật, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thật thà khai báo và rất ăn năn hối hận; bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại do mình gây ra là 3.000.000,đ để khắc phục hậu quả, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bố bị cáo là người có công với nhà nước và được nhà nước tặng thưởng Huân, Huy chương. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b,i,s khoản 1 điều 51 và khoản 2 điều 51 Của Bộ luật hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 điều 51, khoản 2 điều 51 của Bộ luật hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội. Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo đề nghị áp dụng hình phạt đối với bị cáo là Phạt cải tạo không giam giữ và miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Tuy nhiên để có tác dụng trong việc răn đe và phòng ngừa tội phạm nói chung và đối với hành vi phạm tội này nói riêng cần thiết phải áp dụng hình phạt đối với bị cáo là hình phạt tù . Căn cứ điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo được cải tạo giáo dục dưới sự giám sát của chính quyền nơi các bị cáo cư trú cũng đủ điều kiện để cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành người tốt, sống có ích cho xã hội.

[3] Về vật chứng vụ án: Trong quá trình điều tra đã thu giữ 03 con dao, đây là công cụ bị cáo dùng thực hiện hành vi phạm tội. Căn cứ điểm a khoản 3 điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Nguyên đơn dân sự yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại là 18.000.000,đ, tài sản bị thiệt hại là tài sản thuộc sở hữu của nhà nước. Yêu cầu của nguyên đơn dân sự là có căn cứ buộc bị cáo phải bồi thường. Trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện bồi thường 3.000.000,đ, số tiền này được khấu trừ vào số tiền mà bị cáo phải bồi thường.

[5] Án phí: Căn cứ vào khoản 2 điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo Lương Văn T là người dân tộc thiểu số, sinh sống vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, thuộc diện chính sách hộ nghèo, căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 nghị quyết 326 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với các bị cáo

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 điều 178, các điểm b,i,s khoản 1 điều 51, khoản 2 điều 51, điều 65 của Bộ luật hình sự . Xử phạt Lương Văn T 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội "Hủy hoại tài sản". Thời gian thử thách 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã D L, huyện Q C, tỉnh N A quản lý, giám sát, giáo dục các bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách

nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương trong việc quản lý,giám sát và giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Vật chứng vụ án: Căn cứ điểm a khoản 2 điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 03 con dao. Chi tiết được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan điều tra Công an huyện Q C và Chi cục thi hành án dân sự huyện Q C lập ngày 05/9/2018 .

- Trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 48 của Bộ luật hình sự, các điều 584, 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho nhà nước thông qua Ủy ban nhân dân huyện Q C số tiền là 18.000.000,đ (Mười tám triệu đồng). Được khấu trừ số tiền bị cáo đã bồi thường trước 3.000.000,đ (Ba triệu đồng) nộp vào tài khoản 3949.0.9042250 Kho bạc nhà nước huyện Q C. Bị cáo còn phải bồi thường tiếp là 15.000.000,đ (Mười lăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu ng- ời phải thi hành án ch- a thi hành xong khoản tiền phải thi thi hành án, thì hàng tháng phải chịu lãi suất theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà n- ớc qui định t- ơng ứng với thời gian chậm thi hành án.

- Án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo Lương Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000,đ (Hai trăm nghìn đồng). Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt nguyên đơn dân sự. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Lô Xuân Diệu

Nơi nhận:
- VKSND huyện Q C;
- CA huyện Q C;
- TAND tỉnh N A;
- Chi cục THADS huyện Q C;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.